

Số: /TTr - VWTC

Quảng Ninh, ngày tháng 4 năm 2017

TỜ TRÌNH

**Thực hiện Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016
và Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2017 của Công ty**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2017

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải thủy - VINACOMIN được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28/4/2016.

Hội đồng quản trị Công ty báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 về Kết quả sản xuất kinh doanh 2016, Kế hoạch sản xuất 2017 của Công ty như sau:

I. Kết quả thực hiện SXKD năm 2016:

1. Những khó khăn, thuận lợi khi thực hiện kế hoạch năm 2016:

a. Khó khăn:

- Nhu cầu vận chuyển hàng hóa bằng đường biển và giá cước vận chuyển trên thị trường thế giới cũng như trong nước chưa có tín hiệu lạc quan. Cung vận tải vẫn lớn hơn rất nhiều so với cầu. Các doanh nghiệp vận tải biển vẫn tiếp tục gặp khó khăn.

b. Thuận lợi :

- Nhu cầu sử dụng than trong nước tăng hơn các năm trước là cơ hội để Công ty tăng sản lượng than vận chuyển.

- Sự quan tâm của HDTV và Tổng Giám đốc TKV về các giải pháp hỗ trợ Công ty trong năm 2016.

- Sự quyết tâm của Hội đồng quản trị và Bộ máy điều hành công ty trong việc xây dựng phương án tái cơ cấu vốn TKV tại Công ty, điều hành và quản lý doanh nghiệp trong những năm tới.

2. Kết quả thực hiện kế hoạch PHKD năm 2016 (so sánh với KH điều chỉnh) :

a. Tổng khối lượng vận chuyển đạt: 4.434.736 tấn = 104,35 % KH năm

Trong đó : - Vận tải biển : 736.736 tấn = 100,43 % KH năm

- Vận tải sông : 152.300 tấn = 102,78 % KH năm

- Thuê ngoài vận chuyển : 3.545.700 tấn = 105,27 % KH năm

b. Doanh thu đạt : 614.509 triệu đồng = 105,68 % KH năm

Trong đó : - Vận tải biển : 111.451 triệu đồng = 93,05 % KH năm

- Vận tải sông : 5.479 triệu đồng = 96,54 % KH năm

- Thuê ngoài vận chuyển : 490.300 triệu đồng = 108,31 % KH năm

- Doanh thu khác : 7.279 triệu đồng

c. Giá trị sản xuất đạt : 158.690 triệu đồng = 100,06 % KH năm

Trong đó : - Vận tải biển : 111.451 triệu đồng = 93,05 % KH năm

- Vận tải sông : 5.479 triệu đồng = 96,54 % KH năm

- Thuê ngoài vận chuyển : 41.746 triệu đồng = 125,99 % KH năm

d. Lợi nhuận trước thuế : 13.040 triệu đồng = 101,87% KH năm

e. Thu nhập bình quân: 10.062.000 đ/ người tháng.

(Có biểu tổng hợp các chỉ tiêu kèm theo)

3. Phân tích đánh giá kết quả, nguyên nhân :

- Nhìn chung hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm vẫn ổn định, các chỉ tiêu chính như: Sản lượng, Doanh thu đạt kế hoạch PHKD. Riêng chỉ tiêu GTSX chưa đạt là do hoạt động khai thác đội tàu biển và sà lan chưa đạt kế hoạch đề ra .

- Sản lượng, doanh thu của đội tàu biển chưa đạt kế hoạch là do các tàu Vinacomin Hà Nội, Vinacomin Hạ Long và Vinacomin Cẩm Phả phải neo chờ dỡ hàng tại Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải dài ngày. Hoạt động khai thác đội tàu biển và sà lan vẫn chưa có hiệu quả (vẫn bị lỗ). Hiệu quả thực tế của đội tàu biển và sà lan trong năm 2016 là - 17.599 triệu đồng (lỗ). Phân tích chi tiết tình hình khai thác các phương tiện, cụ thể như sau:

- TKV 01 thực hiện được 39 chuyến, Sản lượng: 70.550 tấn, Doanh thu: 2.515 triệu đồng, Hiệu quả thực tế : - 1.897 triệu đồng.
- TKV 03 thực hiện được 45 chuyến, Sản lượng: 81.750 tấn, Doanh thu: 2.964 triệu đồng, Hiệu quả thực tế : - 1.660 triệu đồng.

+ Các tàu 3.000 DWT được khai thác chủ yếu là vận chuyển than từ Quảng Ninh đi Nghi Sơn để cung cấp cho Công ty Xi măng Nghi Sơn và Nhà máy Nhiệt điện Nghi Sơn, Ngoài ra còn vận chuyển hàng hóa ngoài than (Clinker, phôi thép, nông sản...). Hiệu quả thực tế của 05 tàu 3.000 DWT, năm 2016: - 3.397 triệu đồng (trung bình mỗi tàu: - 697 triệu đồng). Cụ thể từng tàu như sau :

- Vinacomin 01, thực hiện 33 chuyến, Sản lượng 92.747 tấn, Doanh thu: 12.340 triệu đồng. Hiệu quả thực tế : 724 triệu đồng (lãi).
- Vinacomin 02, thực hiện 29 chuyến, Sản lượng 83.574 tấn, Doanh thu: 10.307 triệu đồng. Hiệu quả thực tế : - 1.643 triệu đồng (lỗ).
- Vinacomin 05, thực hiện 25 chuyến, Sản lượng 72.877, Doanh thu: 9.578 triệu đồng, Hiệu quả thực tế : - 1.413 triệu đồng (lỗ).
- Vinacomin 06, thực hiện 25 chuyến, sản lượng 71.306 tấn, Doanh thu: 9.648 triệu đồng, Hiệu quả thực tế : - 1.336 triệu đồng (lỗ).
- Vinacomin 07, thực hiện 30 chuyến, sản lượng 86.932 tấn. Doanh thu: 11.512 triệu đồng, Hiệu quả thực tế : 271 triệu đồng (lãi).

+ Các tàu 8.000 DWT (Vinacomin Hà Nội, Hạ Long, Cẩm Phả) được khai thác chủ yếu vận chuyển than từ Quảng Ninh đi Duyên Hải để cấp cho nhà máy nhiệt điện Duyên Hải 1, tham gia chuyển tải than tại Duyên Hải và vận chuyển

hàng hóa khác ngoài than từ Hà Tĩnh ra Hải Phòng.... Hiệu quả thực tế của 3 tàu 8.000 DWT trong năm 2016: - 10.645 triệu đồng (trung bình mỗi tàu: - 3.548 triệu đồng). Cụ thể từng tàu như sau:

- Vinacomin Hà Nội, thực hiện 17 chuyến, Sản lượng: 106.861 tấn, Doanh thu: 19.092 triệu đồng, Hiệu quả thực tế: - 5.868 triệu đồng.
- Vinacomin Hạ Long, thực hiện 19 chuyến, Sản lượng: 111.940 tấn, Doanh thu: 17.839 triệu đồng, Hiệu quả thực tế: - 3.656 triệu đồng.
- Vinacomin Cẩm Phả, thực hiện 18 chuyến, Sản lượng: 113.500 tấn, Doanh thu: 21.076 triệu đồng, Hiệu quả thực tế : - 1.121 triệu đồng.

- Sản lượng và doanh thu của hoạt động thuê ngoài đạt kế hoạch PHKD. Hoạt động thuê ngoài bao gồm :

+ Vận chuyển than cho TKV để cung cấp cho các hộ lớn bằng đường biển như : Nhiệt điện Vĩnh Tân 2, Nhiệt điện Duyên Hải 1, Nhiệt điện Nghi Sơn, Nhiệt điện Vũng Áng , Xi măng Nghi Sơn, Xi măng Tây Ninh, Prime Đại Lộc... cụ thể:

* Nhiệt điện Vĩnh Tân 2: Sản lượng: 636.438 tấn, Doanh thu: 151.698 triệu đồng, Giá trị sản xuất: 15.108 triệu đồng.

* Nhiệt điện Duyên Hải 1: Sản lượng: 677.996 tấn, Doanh thu: 194.635 triệu đồng, Giá trị sản xuất: 18.872 triệu đồng (bao gồm cả 7.275 triệu doanh thu chuyển tải của các tàu 8.000 DWT).

* Nhiệt điện Nghi Sơn: Sản lượng : 68.443 tấn, Doanh thu : 9.358 triệu đồng, Giá trị sản xuất: 802 triệu đồng.

* Nhiệt điện Vũng Áng: Sản lượng : 92.496 tấn, Doanh thu: 15.539 triệu đồng, Giá trị sản xuất: 1.665 triệu đồng.

* Các hộ xi măng, Prime : Sản lượng : 30.942 tấn, Doanh thu : 3.726 triệu đồng, Giá trị sản xuất: 239 triệu đồng.

+ Vận chuyển than cho TKV bằng đường sông : Nhiệt điện Phả Lại, Điện Hải Phòng, Năng lượng Hòa Phát, Thép Hòa phát, Xi măng Thăng Long, Xi măng Chinfon....): Sản lượng: 568.863 tấn, Doanh thu: 30.382 triệu đồng, Giá trị sản xuất: 1.396 triệu đồng.

+ Vận chuyển than chuyển kho, chuyển tải với các đơn vị trong TKV: Sản lượng: 1.295.867 tấn, Doanh thu: 50.040 triệu đồng, Giá trị sản xuất: 2.722 triệu đồng.

+ Vận chuyển đường biển khác (Hợp đồng với Công ty CP Than miền Nam, Công ty chế biến, kinh doanh than Quảng Ninh...): Sản lượng: 174.655 tấn, Doanh thu: 34.921 triệu đồng, Giá trị sản xuất: 956 triệu đồng.

- Giá trị sản xuất thuê ngoài tăng là do Công ty đã dùng các tàu biển 8.000 tấn tham gia chuyển tải tại Duyên Hải để giảm tải cho các tàu trên 20.000 tấn do Công ty thuê để vận chuyển than cho nhiệt điện Duyên Hải. Giá trị sản xuất (doanh thu) là 7.275 triệu đồng được tính cho hoạt động thuê ngoài, không tính cho tàu biển vì không phát hành hóa đơn.

- Giá trị sản xuất của hoạt động thuê ngoài cao chủ yếu do hoạt động vận chuyển than cho các hộ lớn bằng đường biển đã ký với TKV. Hiệu quả sản xuất kinh doanh của toàn Công ty là do hoạt động thuê ngoài. Hiệu quả của hoạt động thuê ngoài: 30.639 triệu đồng (lãi).

4. Đánh giá thực hiện công tác khoán, quản trị nội bộ.

Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành quy chế khoán, quản trị nội bộ có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2015. Tuy nhiên, do đặc thù của hoạt động khai thác vận tải biển, Công ty chưa thực hiện được việc giao khoán toàn diện cho Thuyền trưởng các tàu mà chỉ giám sát, quản lý, quản trị các chi phí trên cơ sở các định mức tiêu thụ nhiên liệu, vật tư... Công tác quyết toán tiêu thụ nhiên liệu, vật tư cho các phương tiện được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo đúng các định mức đã đề ra. Công tác quản lý lao động và tiền lương được thực hiện tốt và đảm bảo theo quy chế của Công ty và quy định của Tập đoàn.

Thực hiện quy chế quản trị chi phí kinh doanh của TKV, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành nghị quyết số: 07/NQ-HĐQT ngày 21 tháng 7 năm 2016 về việc tiết giảm chi phí. Kết quả trong năm 2016, Công ty đã thực hiện và tiết giảm, tiết kiệm các chi phí như chi phí sửa chữa phương tiện, chi phí tài chính, các chi phí về văn phòng... so với kế hoạch là: 1.539 triệu đồng.

II. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017.

- | | |
|--------------------------------|------------------------|
| 1. Tổng khối lượng vận chuyển: | 5.000.000 tấn |
| Trong đó: | |
| - Vận tải biển: | 829.500 tấn |
| - Vận tải sông: | 165.600 tấn |
| - Thuê ngoài vận chuyển than: | 4.004.900 tấn |
| 2. Tổng doanh thu: | 700.000 triệu đồng |
| 3. Giá trị sản xuất: | 175.800 triệu đồng. |
| 4. Lợi nhuận: | 13.500 triệu đồng. |
| 5. Thu nhập bình quân: | 10.877.000 đ/ng/tháng. |

Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu KH-VT, Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Hoàng Minh Hiếu

TỔNG HỢP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2016
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI THỦY - VINACOMIN

(Kèm theo báo cáo số : / BC-VWTC ngày / 4 / 2017)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch đầu năm 2016	Kế hoạch điều chỉnh 2016	Thực hiện năm 2016	Tỷ lệ so KH năm (%)	Tỷ lệ so KH ĐC (%)
1	2	3	4	5	6=5/3	7=5/4
I- Khối lượng vận tải	Tấn	5.500.000	4.250.000	4.434.736	80,63	104,35
1.1- Vận tải biển						
- Khối lượng hàng hoá vận chuyển	Tấn	685.500	733.595	736.736	107,47	100,43
<i>Trong đó : Tàu của Vận tải thủy</i>		<i>168.000</i>	<i>187.318</i>	<i>173.321</i>	<i>103,17</i>	<i>92,53</i>
<i>Tàu thuê TKV</i>		<i>517.500</i>	<i>546.277</i>	<i>563.415</i>	<i>108,87</i>	<i>103,14</i>
1.2- Vận tải sông (sà lan)						
- Khối lượng hàng hoá vận chuyển	Tấn	172.800	148.185	152.300	88,14	102,78
1.3- Thuê tàu vận tải than						
- Khối lượng hàng hoá vận chuyển	Tấn	4.641.700	3.368.220	3.545.700	76,39	105,27
2- Doanh thu tổng số	Tr.đồng	908.500	581.500	614.509	67,64	105,68
2.1- Doanh thu Vận tải thủy	"	137.185	128.313	122.749	89,48	95,66
Trong đó : - Vận tải biển	"	130.792	119.779	111.451	85,21	93,05
<i>+ Tàu của Vận tải thủy</i>		<i>22.652</i>	<i>23.434</i>	<i>22.706</i>	<i>100,24</i>	<i>96,90</i>
<i>+ Tàu thuê TKV</i>		<i>108.140</i>	<i>96.345</i>	<i>88.744</i>	<i>82,06</i>	<i>92,11</i>
- Sà lan	"	6.393	5.675	5.479	85,70	96,54
- Doanh thu khác		-	2.859	5.820		
2.2 - Doanh thu thuê tàu	"	771.315	452.678	490.300	63,57	108,31
2.3 - Doanh thu TC+ khác	"	-	509	1.459		
3.Giá vốn thuê tàu vận tải	Tr.đồng	732.500	415.931	448.540	61,23	107,84
4. Giá trị sản xuất	Tr.đồng	176.000	158.600	158.690	90,16	97,84
- Vận tải biển	"	130.792	119.779	111.451	85,21	93,05
<i>+ Tàu của Vận tải thủy</i>	"	<i>22.652</i>	<i>23.434</i>	<i>22.706</i>	<i>100,24</i>	<i>96,90</i>
<i>+ Tàu thuê TKV</i>	"	<i>108.140</i>	<i>96.345</i>	<i>88.744</i>	<i>82,06</i>	<i>92,11</i>
- Sà lan	"	6.393	5.675	5.479	85,70	96,54
- Tàu vận tải đi thuê	"		33.146	41.761		113,65

		38.815			107,59	
5. Tổng chi phí trong kỳ	Tr.đồng	144.000	149.169	152.930	106,20	100,11
5.1 Chi Phí trung gian	"	110.761	116.543	120.076	108,41	99,94
5.2 Giá trị gia tăng	"	33.239	32.626	32.854	98,84	100,70
- Khấu hao tài sản	"	6.085	7.214	7.495	123,18	103,90
- Tiền lương	"	24.854	23.062	23.062	92,79	100,00
<i>Trong đó: Tiền lương cho CBCNV</i>		<i>23.936</i>	<i>22.051</i>	<i>22.051</i>	<i>92,12</i>	<i>100,00</i>
<i>Tiền lương VCQL</i>		<i>918</i>	<i>1.011</i>	<i>1.011</i>	<i>110,13</i>	<i>100,00</i>
- Bảo hiểm xã hội - y tế - TN - CĐ	"	2.300	2.350	2.296	99,83	97,71
- Thuế trong giá thành	"	-	0	0		
5.3 Chi phí hoạt động khác	"	-				
6. Lợi nhuận	Tr.đồng	32.000	12.800	13.040	40,75	101,87
7. Các chỉ tiêu hướng dẫn về LĐ tiền lương		-				
- Lao động bình quân	Người	191	191	191	100,00	100,00
- Tiền lương bình quân	1.000đ/ng-th	10.844	10.062	10.062	92,79	100,00

TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU KẾ HOẠCH NĂM 2017

Đơn vị : Công ty Cổ phần Vận tải thủy - VINACOMIN

Sè TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2016	Kế hoạch năm 2017	Tỷ lệ (%)
1	2	3	4	5	6=5/4
1	Tổng khối lượng hàng hóa vận chuyển	Tấn	4.434.736	5.000.000	112,75
1.1	Vận tải biển				
	Khối lượng hàng hóa vận chuyển	Tấn	736.736	829.500	112,59
	<i>Trong đó : + Tàu biển Vận tải thủy</i>	<i>Tấn</i>	<i>173.321</i>	<i>162.400</i>	<i>93,70</i>
	<i>+ Tàu biển thuê TKV</i>	<i>Tấn</i>	<i>563.415</i>	<i>667.100</i>	<i>118,40</i>
1.2	Vận tải sông (sà lan)				
	Khối lượng hàng hóa vận chuyển	Tấn	152.300	165.600	108,73
1.3	Thuê tàu vận chuyển than				
	Khối lượng hàng hóa vận chuyển	Tấn	3.545.700	4.004.900	112,95
2	Doanh thu tổng số	Tr. đồng	614.509	700.000	113,91
-	a- Doanh thu vận tải thủy	Tr. đồng	122.750	138.573	112,89
-	a.1- Vận tải biển	Tr.đồng	111.451	132.027	118,46
-	<i>Trong đó : + Tàu biển Vận tải thủy</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>22.706</i>	<i>22.008</i>	<i>96,93</i>
-	<i>+ Tàu biển thuê TKV</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>88.745</i>	<i>110.018</i>	<i>123,97</i>
-	a.2- Vận tải sông	Tr.đồng	5.479	6.546	119,47
-	a.3 - Doanh thu khác	Tr.đồng	5.820		
-	b- Doanh thu thuê tàu vận chuyển than	Tr.đồng	490.300	561.427	114,51
-	* Giá vốn thuê tàu vận chuyển than	Tr.đồng	448.540	524.200	116,87
-	c- Doanh thu HĐTC - Khác	Tr.đồng	1.459		-
-					
3	Giá trị sản xuất	Tr.đồng	158.690	175.800	110,78
-	Vận tải biển	Tr.đồng	111.451	132.027	118,46
-	<i>Trong đó : + Tàu biển Vận tải thủy</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>22.706</i>	<i>22.008</i>	<i>96,93</i>

-	+ Tàu biển thuê TKV	Tr.đồng	88.745	110.018	123,97
-	Vận tải sông	Tr.đồng	5.479	6.546	119,47
-	Thuê tàu vận chuyển than	Tr.đồng	41.760	37.227	89,15
4	Giá trị gia tăng (GDP)	Tr.đồng	45.893	46.758	101,88
-	- Khấu hao TSCĐ	Tr.đồng	7.495	5.980	79,79
	- Tiền lương	"	23.062	24.668	106,96
	Tr. đó: - Viên chức QL	"	1.011	899	88,92
	- Người lao động	"	22.051	23.769	107,79
-	- Bảo hiểm XH, Y tế, KPCĐ	"	2.296	2.610	113,68
-	- Thuế (trong giá thành)	"	-	-	
	- Lợi nhuận	"	13.040	13.500	103,52
5	Lao động, thu nhập, tiền lương				
5.1	Lao động trong danh sách	Người	191	189	98,95
-	Lao động bình quân theo mức	"	191	189	98,95
-	+ Viên chức quản lý	"	4	3	75,00
-	+ Người lao động	"	187	186	99,47
-	Trong đó : Vận tải biển	"	131	133	101,53
-	Vận tải sông	"	18	16	88,89
-	Bộ phận quản lý	"	38	37	97,37
5.2	Tiền lương bình quân toàn công ty	1000đ/ng-thg	10.062	10.877	108,10

